

Số: 34/ĐA-UBND

Thiên Cầm, ngày 24 tháng 01 năm 2024

ĐỀ ÁN
Vị trí, việc làm tại UBND thị trấn Thiên Cầm

Phần I
SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng đề án:

Việc xây dựng Đề án vị trí việc làm của cán bộ, công chức thị là rất cần thiết bởi các lý do sau:

1.1. Tăng cường hiệu quả, hiệu suất làm việc: Việc xác định rõ vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức giúp tăng cường hiệu quả, hiệu suất làm việc từ đó phát triển năng lực và chất lượng công việc của mỗi cán bộ, công chức. Bằng cách phân định rõ ràng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm cho từng vị trí, cơ quan có thể đạt được sự phân công việc hợp lý và hiệu quả hơn, nâng cao chất lượng và hiệu suất làm việc của cán bộ, công chức, từ đó nâng cao công tác quản lý và đánh giá công chức một cách chính xác và nhất quán.

1.2. Làm căn cứ để đề nghị tuyển dụng và bố trí cán bộ, công chức: Xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức giúp UBND thị có căn cứ để xây dựng kế hoạch đề nghị tuyển dụng và bố trí công chức phù hợp với yêu cầu công việc. Điều này giúp xác định các tiêu chuẩn rõ ràng và tổ chức quá trình tuyển dụng, đánh giá và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức.

1.3. Khuyến khích động lực và năng lực của công chức: Xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức giúp tạo ra một hệ thống khuyến khích công chức cải thiện năng lực và động lực trong công việc. Bằng cách định rõ các tiêu chí đánh giá, khung thang thưởng phạt và yêu cầu của sự thăng tiến, cơ quan có thể tạo ra một môi trường cạnh tranh và khuyến khích sự phát triển năng lực chuyên môn và nâng cao ứng dụng công việc của cán bộ, công chức.

1.4. Tích hợp và tối ưu hóa nguồn lực: Đề án vị trí việc làm giúp UBND thị tối ưu hóa nguồn lực và tích hợp công việc trong cơ quan. Bằng cách xác định rõ vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và phân cấp trách nhiệm, cơ quan có thể phân bổ nguồn lực, tài liệu và nhân lực một cách hợp lý và tiết kiệm. Điều này đảm bảo sự sử dụng hiệu quả nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất trong giải quyết

công việc. Đồng thời, việc xây dựng đề án cũng giúp ngăn chặn tình trạng lãng phí và lạm dụng quyền lực trong cơ quan.

1.5. Tạo sự công bằng và minh bạch: Xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức giúp tạo ra một môi trường công bằng và minh bạch trong bố trí cán bộ, công chức.

Bằng cách xác định rõ các tiêu chuẩn và quy trình để tuyển dụng, đánh giá và sử dụng công chức, cơ quan đảm bảo sự khách quan và minh bạch trong các quyết định về tuyển dụng, sử dụng và bố trí, giúp đảm bảo rằng tất cả các cán bộ, công chức đều có cơ hội công bằng để tham gia và phát triển môi trường công việc.

1.6. Khuyến khích phát triển cá nhân: Xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức giúp khuyến khích và tạo điều kiện cho công chức phát triển cá nhân. Bằng cách xác định rõ con đường thăng tiến và phát triển, đánh giá công chức dựa trên năng lực và hiệu quả công việc của họ, cơ quan tạo động lực cho sự phát triển và tiến bộ của các công chức.

1.7. Thu hút và giữ chân nhân tài: Một Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức tốt giúp thu hút và giữ chân nhân tài trong cơ quan. Bằng cách xác định rõ đường thăng tiến và cơ hội phát triển, cùng với chính sách khuyến khích và phúc lợi hấp dẫn, cơ quan có thể thu hút và giữ chân những công chức giỏi cho sự phát triển bền vững.

1.8. Đảm bảo tính bền vững và phát triển của cơ quan: Xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức giúp đảm bảo tính bền vững và phát triển. Điều này đảm bảo rằng cơ quan có đủ nhân lực chuyên môn, năng lực và đủ sẵn sàng để đáp ứng yêu cầu công việc và thích ứng với sự thay đổi trong môi trường làm việc.

Tóm lại, xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch cán bộ, công chức của UBND thị trấn là cần thiết để tăng cường hiệu quả và hiệu suất làm việc, tối ưu hóa nguồn lực, khuyến khích năng lực và động lực của công chức, tạo sự công bằng và minh bạch, cùng với thu hút và giữ chân nhân tài. Điều này góp phần vào sự phát triển và nâng cao chất lượng đảm bảo tính bền vững và phát triển của thị trấn.

2. Khái quát đặc điểm, nội dung và tính chất hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

2.1. Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị

- UBND thị trấn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy vai trò tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân và tinh thần chủ động, sáng tạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên UBND. Chủ tịch UBND là người lãnh đạo và điều hành công việc

của UBND, chịu trách nhiệm cá nhân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình quy định tại Điều 36 Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, cùng với tập thể UBND chịu trách nhiệm về hoạt động của UBND trước Đảng ủy và cơ quan nhà nước cấp trên. Phó Chủ tịch UBND, ủy viên UBND thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do Chủ tịch UBND phân công, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Mỗi thành viên của UBND chịu trách nhiệm cá nhân về lĩnh vực công tác của mình trước UBND thị trấn và cùng các thành viên khác chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của UBND trước Đảng ủy và cơ quan nhà nước cấp trên.

- Chấp hành sự chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước cấp trên, sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự giám sát của HĐND thị trấn; phối hợp chặt chẽ giữa UBND thị trấn với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện mọi nhiệm vụ; Giải quyết các công việc của công dân và tổ chức theo đúng pháp luật, đúng thẩm quyền và phạm vi trách nhiệm; đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả; theo đúng trình tự thủ tục, thời gian quy định và chương trình kế hoạch công tác của UBND thị trấn. Cán bộ, công chức thị trấn phải sâu sát cơ sở, lắng nghe mọi ý kiến đóng góp của nhân dân, có ý thức học tập để nâng cao trình độ, từng bước đưa hoạt động của UBND thị trấn ngày càng chính quy, hiện đại, vì mục tiêu xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh, nâng cao đời sống Nhân dân.

2.2. Đối tượng, phạm vi, tính chất hoạt động đơn vị

- Chủ tịch, Phó chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

- Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước đã phân cấp về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

- Ủy ban nhân dân hoạt động theo chế độ tập thể Ủy ban nhân dân kết hợp với trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

3. Những yếu tố tác động đến hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

3.1. Tính chất, đặc điểm, yêu cầu công việc:

- Ủy ban nhân dân bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất về thể chế, chính sách, chiến lược và quy hoạch đối với các ngành, lĩnh vực; bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của nền hành chính; Phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật; Kết hợp chặt chẽ giữa quản lý theo ngành với quản lý theo

địa giới hành chính, phân định rõ nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa chính quyền địa phương đối với các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn theo địa giới hành chính;

- Việc phân định thẩm quyền phải phù hợp với điều kiện, đặc điểm của địa phương; Chính quyền địa phương được bảo đảm nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân quyền, phân cấp và chịu trách nhiệm trong phạm vi được phân quyền, phân cấp.

3.2. Mức độ phức tạp, quy mô công việc; phạm vi và đối tượng phục vụ, quản lý; quy trình, thủ tục quản lý hoặc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn thị trấn; Quyết định những vấn đề của thị trấn trong phạm vi được phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan hành chính nhà nước cấp trên ủy quyền; Chịu trách nhiệm trước chính quyền địa phương cấp huyện về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở thị trấn.

- Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn thị trấn.

3.3. Mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin:

- Ủy ban nhân dân thị trấn Thiên Cầm được thành lập từ 03/10/2003, trên cơ sở là toàn bộ xã Cẩm Long cũ, trụ sở làm việc hoạt động độc lập đóng trên địa bàn TDP Yên Thọ, cách trung tâm UBND huyện Cẩm Xuyên 10km; trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ và các ngành, đoàn thể thị trấn có 1 nhà làm việc 3 tầng gồm 17 phòng làm việc, 1 phòng họp gác 3, 1 hội trường lớn và bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được xây dựng độc lập, hiện đại, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu, tiêu chí trong tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính theo quy định.

- Trang thiết bị, phương tiện làm việc như máy tính, máy in, máy photo, máy scan,... được trang bị đầy đủ, cơ bản đã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm 01 Cán bộ, công chức 01 máy tính.

- Hệ thống mạng internet ứng dụng công nghệ thông tin đã được áp dụng vào công việc chuyên môn, ứng dụng các phần mềm ứng dụng theo quy định.

3.4. Thực trạng chất lượng, số lượng cán bộ, công chức của đơn vị

- Về trình độ chuyên môn: Đến nay thị trấn đã được bố trí 18 cán bộ, công chức, trong đó:

+ Cán bộ: có 10 người, trình độ đại học 09 người; (Trường hợp Chủ tịch hội CCB là đặc thù do quá trình bầu cử và tuyển dụng trước đây, Phó chủ tịch UBND thị kiêm Chỉ huy Trưởng quân sự).

+ Công chức: có 08 người, trình độ đại học 08 người.

- Về cơ cấu ngạch công chức: Chuyên viên: 17 người; nhân viên: 01 người.

- Về lý luận chính trị: Trung cấp 17 người; sơ cấp 01 người.

- Về độ tuổi: Trên 30 đến dưới 40: 07 người; Từ 40 đến dưới 50: 06 người; từ 50 trở lên: 05 người.

3.5. Quy mô dân số, diện tích tự nhiên, mức độ phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh cũng có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của cơ quan.

UBND thị trấn Thiên Cầm ở phía đông nam huyện Cẩm Xuyên, các trung tâm huyện 10km. Phía bắc giáp xã Cẩm Dương và biển đông, phía tây giáp xã Nam Phúc Thăng, phía Nam giáp xã Cẩm Hà, xã Cẩm Lộc, phía đông giáp xã Cẩm Nhượng. Diện tích đất tự nhiên 14.333,7ha dân số hơn 6500 người có 7 Tổ dân phố, là địa bàn có người dân theo cả 2 tôn giáo là đạo Thiên Chúa giáo và Phật giáo. Là một địa bàn có cả rừng, biển, núi; Cơ cấu kinh tế đa dạng, có sản xuất nông nghiệp, sản xuất muối, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản, thương mại dịch vụ, đặc biệt trong đó có Khu du lịch Thiên Cầm, là khu du lịch trọng điểm của tỉnh.

Năm 2023, thị trấn Thiên Cầm đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị và đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các mặt, quốc phòng - an ninh được giữ vững, an sinh xã hội đảm bảo, đặc biệt là Tổ chức thành công kỷ niệm 20 năm ngày thành lập thị trấn.

4. Thực trạng về tổ chức bộ máy, biên chế của cơ quan, đơn vị:

4.1. Về tổ chức bộ máy:

a) Số lượng, tên gọi: Số lượng 01, tên gọi: Ủy ban nhân dân thị trấn Thiên Cầm.

b) Số lượng và tên gọi của các đơn vị trực thuộc: Không.

4.2. Về biên chế công chức

- Biên chế giao: 21 người.

- Biên chế có mặt (tính đến thời điểm xây dựng đề án): 18 người.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Văn bản pháp lý về việc thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

1.1. Chỉ đạo của Trung ương đảng và quy định của Chính phủ, các Bộ ngành

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”;

- Quy định 70-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

- Kết luận số 74-KL/TW ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ Chính trị về kết quả 02 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và 4 năm thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị;

- Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

- Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026;

- Kết luận số 50-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”;

- Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

- Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

- Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập.

1.2. Các văn bản pháp lý liên quan đến chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

- Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh;

- Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP;

- Thông tư số 05/2021/TT-BNV ngày 12/8/2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) và Phòng Nội vụ thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp huyện);

- Các quy định của cấp trên, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Văn bản quy định về ngạch, cơ cấu ngạch công chức và số lượng biên chế trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- *Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức*

- Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức;

- *Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ;*

- Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hội và chỉ tiêu lao động hợp đồng năm 2023.

- Quyết định số 8979/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã năm 2023.

Phần II

XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

I. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Căn cứ Điều 5 của Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 về vị trí việc làm và biên chế công chức, xác định danh mục vị trí việc làm trong theo thứ tự sau:

1. Vị trí việc làm thuộc đơn vị: Tổng số

1.1. Vị trí việc làm đối với cán bộ

a) Vị trí cấp trưởng (01 VTVL): Chủ tịch UBND thị;

b) Vị trí cấp phó (01 VTVL): Phó Chủ tịch UBND thị;

1.2. Vị trí việc làm đối với công chức

TT	Lĩnh vực/ vị trí việc làm	Ngạch công chức
1	Công chức Văn Phòng – Thống kê (02 VTVL)	Chuyên viên
2	Công chức Văn hóa – Xã hội (02 VTVL)	Chuyên viên
3	Chỉ huy trưởng Quân sự (01 VTVL)	Chuyên viên
4	Công chức Địa chính-XĐCB, NN-GTLT-MT (02 VTVL)	Chuyên viên
5	Công chức Tài chính – Kế toán (01 VTVL)	Chuyên viên
6	Công chức Tư pháp – Hộ tịch (01 VTVL)	Chuyên viên

1.3. Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung: 0 VTVL

1.4. Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ: 0 VTVL

II. DỰ KIẾN NGẠCH CÔNG CHỨC

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng VTVL	Ngạch công chức tối thiểu	Ngạch công chức tối đa
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	01		
1.1	Vị trí cấp trưởng:	01		
	Chủ tịch UBND thị	01	Chuyên viên	Chuyên viên chính
1.2	Vị trí cấp phó:	02		
	Phó Chủ tịch UBND thị	02	Chuyên viên	Chuyên viên chính

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng VTVL	Ngạch công chức tối thiểu	Ngạch công chức tối đa
2	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	06		
1	Công chức Văn Phòng – Thống kê (02 VTVL)	02	Chuyên viên	
2	Công chức Văn hóa – Xã hội (02 VTVL)	02	Chuyên viên	
3	Chỉ huy trưởng Quân sự (01 VTVL)	01	Chuyên viên	
4	Công chức Địa chính - XĐCB, NN-GTLT-MT (02 VTVL)	02	Chuyên viên	
5	Công chức Tài chính – Kế toán (01 VTVL)	01	Chuyên viên	
6	Công chức Tư pháp – Hộ tịch (01 VTVL)	01	Chuyên viên	
Tổng		09		

III. XÁC ĐỊNH CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

Cơ cấu công chức tương ứng ngạch Chuyên viên hoặc tương đương chiếm 100% số lượng biên chế công chức được xác định cơ cấu ngạch.

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không

Trên đây là Đề án vị trí việc làm UBND thị trấn Thiên Cầm, trình UBND huyện phê duyệt./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Cẩm Xuyên;
- Phòng Nội vụ huyện;
- Chủ tịch, PCT UBND thị;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tuệ